UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1350562082

Chứng nhận lần đầu: ngày 21 tháng 5 năm 2010
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02: ngày 19 tháng 10 năm 2015
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03: ngày 18 tháng 03 năm 2025
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 04: ngày 10 tháng 09 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư điều chỉnh lần thứ 02;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1350562082 do Sở Tài chính cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/5/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 18/03/2025;

Căn cứ văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu của Công ty TNHH Thịnh An Bình nộp ngày 21/8/2026 và hồ sơ kèm theo.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu do Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1350562082, chứng nhận lần đầu ngày 21/5/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 18/03/2025; được đăng ký điều chỉnh: *thông tin*

nhà đầu tư; tên dự án; địa điểm thực hiện dự án; quy mô dự án; tổng vốn đầu tư, nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Công ty TNHH Thịnh An Bình.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900223951, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 14/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0205.3826836 Fax: 025 3 826 836

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: Nguyễn Đăng Minh Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 04/4/1958 Quốc tịch: Việt Nam.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Căn cước công dân số: 00108025139 Ngày cấp: 29/4/2021.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú và liên lạc: số 419, đường Bà Triệu, khối 5, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Khai thác đá vôi, cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0810

3. Quy mô dự án:

- Quy mô công suất: đầu tư khai thác và chế biến đá vôi với công suất 316.818 m3/năm đá vôi nguyên khối.

- Quy mô sử dụng đất: 133.288,7 m^2.

4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

5. Tổng vốn đầu tư: 27.368 triệu đồng, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 8.703 triệu đồng.

- Vốn vay tín dụng ngân hàng: 18.665 triệu đồng.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 21/5/2010).

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn: theo tiến độ thực hiện dự án, trong đó tiến độ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

- Tiến độ thực hiện dự án: Quý III/2027: khai thác theo công suất điều chỉnh 316.818 m^3/năm đá nguyên khối.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện dự án đúng theo các nội dung được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chấp hành nghiêm các các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, khoáng sản, môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Thực hiện dự án đúng theo phạm vi ranh giới, diện tích được Nhà nước cho thuê đất và cấp quyền sử dụng đất; triển khai thực hiện và khai thác đá vôi đảm bảo an toàn theo quy định;

- Lập báo cáo giám sát đầu tư, báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư định kỳ gửi Sở Tài chính theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy định về nội dung dự án đầu tư cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1350562082, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 18/3/2025 của Sở Tài chính cấp.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (*hai*) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 *(một)* bản và 01 *(một)* bản lưu tại Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, NN&MT, CT;
- UBND xã Cai Kinh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLĐTNNS(LG).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH LẠNG SƠN

Hà Mạnh Cường

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /GP-UBND	*Lạng Sơn, ngày 05 tháng 12 năm 2015*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-STNMT ngày 30/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thịnh An Bình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn do nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản với Công ty Cổ phần lâm sản Thịnh Lộc - SHINEC.

1. Diện tích khu vực khai thác: 10 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có toạ độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác: + 40m.

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất: 9.375.195 m^3
- Trữ lượng khai thác: 6.313.678 m^3

4. Công suất khai thác: 220.000 m^3/năm.

5. Thời hạn khai thác: 25 năm (đến tháng 10/2040 kể từ ngày ký Giấy phép).

Điều 2. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Phụ lục số 3 Giấy phép này.

2. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện việc thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Điều 3. Công ty Cổ phần lâm sản Thịnh Lộc - SHINEC có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2010/TT-BTC ngày 19/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 21/GP - UBND ngày 22/5/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần lâm sản Thịnh Lộc - SHINEC.

Công ty TNHH Thịnh An Bình chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác đá vôi Chằm Đèo Phiếu theo Giấy phép này sau khi nộp thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác mỏ cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận: *14*
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh, các phòng: KTN, TH;
- Các Sở: TN&MT (03b), XD, CT, KH&ĐT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Vượng;
- Công ty TNHH Thịnh An Bình;
- Công ty CP lâm sản Thịnh Lộc – SHINEC;
- Lưu: VT, (HẠNH).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Vinh Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục số 01

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI CHÀM ĐÈO PHIÉU, XÃ VÂN VƯỢNG, HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 44 /GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục $107^0 15'$ múi chiếu 3^0)	
	X (m)	Y (m)
1	2385 542,30	408 089,88
2	2385 867,05	407 996,18
3	2385 919,73	408 345,72
4	2385 651,94	408 381,82
Diện tích: 10 ha		

Được quét bằng CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục số 03

TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI CHÀM ĐÈO PHIÉU, XÃ YÊN VƯỢNG, HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 44 /GP-UBND ngày 05 / 12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Tổng số tiền phải nộp 26.011.244.000 đồng.

Số lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	2015	1.238.631.000	Đã nộp
2	2016	1.238.631.000	
3	2017	1.238.631.000	
4	2018	1.238.631.000	
5	2019	1.238.631.000	
6	2020	1.238.631.000	
7	2021	1.238.631.000	
8	2022	1.238.631.000	
9	2023	1.238.631.000	
10	2024	1.238.631.000	
11	2025	1.238.631.000	
12	2026	1.238.631.000	
13	2027	1.238.631.000	
14	2028	1.238.631.000	
15	2029	1.238.631.000	
16	2030	1.238.631.000	
17	2031	1.238.631.000	
18	2032	1.238.631.000	
19	2033	1.238.631.000	
20	2034	1.238.631.000	
21	2035	1.238.631.000	

Số tiền nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục số 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mỏ đá vôi Chẩm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 44 /GP-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

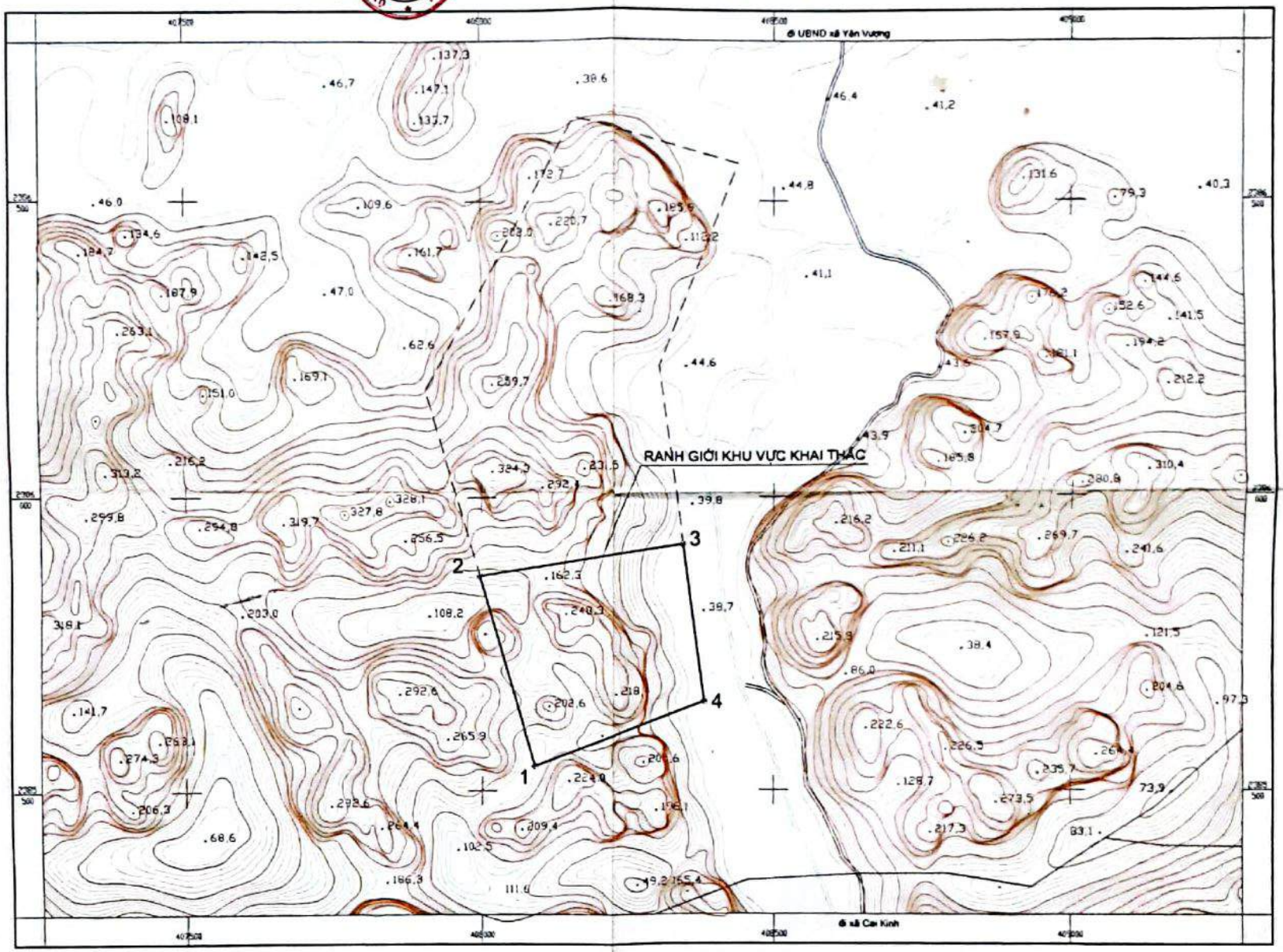
TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC

Hệ tọa độ VN-2000 KTT 107°15', MC 3°

ĐIỂM	X (m)	Y (m)
1	2385542.30	408089.88
2	2385887.05	407996.18
3	2385919.73	408345.72
4	2385651.94	408381.82
Diện tích: 10,0 ha		

Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105°00', MC 6°

ĐIỂM	X (m)	Y (m)
1	2385181.60	641080.10
2	2385504.97	640981.74
3	2385582.68	641.330.43
4	2385295.48	641370.39
Diện tích: 10,0 ha		



CHÚ GIẢI

- Đường giao thông
- Đường đồng mức
- Lưới tọa độ VN-2000
- Ranh giới khu mỏ
- Ranh giới cấp phép cũ
- Sông suối

Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000
kinh tuyến trục 107 độ 15' múi chiếu 3 độ. Tờ bản đồ xã Yên Vượng
Số hiệu : Tờ số 2 (10-384404+394404+394410+388410)

TỶ LỆ 1:5.000

1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

50 0 50 100 150 200 250

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:218 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày31 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi) tại mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn;

Xét hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn) của Công ty TNHH Thịnh An Bình nộp trực tuyến tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh ngày 23/12/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 58/TTr-SNNMT ngày 29/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi) tại mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Tên tổ chức nộp tiền: Công ty TNHH Thịnh An Bình (*Địa chỉ: thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm phê duyệt lại: **4.265.443.440 đồng**.

3. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt lại:

a) Trữ lượng khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại (Q_{cl}): **4.862.682,56 m^3 (nguyên khối).**

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): **103.250 đồng/m^3**.

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): **3%**.

4. Tổng số tiền phải nộp: **15.062.159.000 đồng**.

5. Tổng số lần phải nộp: **16 lần**.

6. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn}): **941.385.000 đồng**.

7. Thời gian nộp bắt đầu từ năm **2025** đến năm **2040**. Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan Thuế ban hành thông báo nộp tiền, theo dõi, đôn đốc việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

3. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Điều 1 Quyết định này và thông báo của cơ quan Thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch UBND xã Cai Kinh, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thịnh An Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - BNNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hữu Học

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /TB-SNNMT

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi) tại mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Thuế tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 29/6/2018;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2019 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2020 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2021 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 04/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2022 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Được quét bằng CamScanner

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 21/GP-UBND ngày 22/05/2015; Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Thịnh An Bình nộp trực tuyến ngày 23/12/2025; Biên bản quyết toán tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Thuế tỉnh Lạng Sơn; UBND xã Cai Kinh và Công ty TNHH Thịnh An Bình, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho Thuế tỉnh Lạng Sơn nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi) tại mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH Thịnh An Bình theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 và Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng (nay là xã Cai Kinh), tỉnh Lạng Sơn, như sau:

STT	Năm	Loại khoáng sản	Số tiền thông báo nộp (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (5)-(4)*
1	2014	Đá VLXDTT		-	-
2	2015	Đá VLXDTT	1.238.631.000	-	- 1.238.631.000
3	2016	Đá VLXDTT	1.238.631.000	145.908.312	- 1.092.722.688
4	2017	Đá VLXDTT	1.238.631.000	247.247.550	- 991.383.450
5	2018	Đá VLXDTT	1.238.631.000	616.791.978	- 621.839.022
6	2019	Đá VLXDTT	1.182.330.000	480.291.840	- 702.038.160

Được quét bằng CamScanner

7	2020	Đá VLXDTT	1.182.329.591	441.641.760	- 740.687.831
8	2021	Đá VLXDTT	1.182.329.591	350.784.000	- 831.545.591
9	2022	Đá VLXDTT	1.182.329.591	378.000.000	- 804.329.591
10	2023	Đá VLXDTT	1.182.329.591	791.154.000	- 391.175.591
11	2024	Đá VLXDTT	1.182.329.591	613.284.000	- 569.045.591
12	30/6/2025	Đá VLXDTT	1.182.329.591	200.340.000	- 981.989.591
Tổng			**13.230.831.546**	**4.265.443.440**	**8.965.388.106**

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là: **8.965.388.106 đồng**. Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo để Thuế tỉnh Lạng Sơn biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công ty TNHH Thịnh An Bình [1];
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- UBND xã Cai Kinh;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, MTKS(ĐHN).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
LẠNG SƠN

Triệu Đức Minh

[1] Địa chỉ: thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn

Được quét bằng CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 228/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 02 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 32/TTr-STNMT ngày 06/02/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn" được lập bởi Công ty cổ phần Lâm sản Thịnh Lộc SHINEC (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi của Dự án:

Phạm vi Dự án: Dự án được thực hiện tại khu vực Chằm Đèo Phiếu thuộc thôn Gốc Sau, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; với tổng diện tích sử dụng đất khoảng: 12,8 ha (trong đó khu vực khai trường thác mỏ 10 ha; mặt bằng sân công nghiệp và các công trình phụ trợ 2,8 ha).

1.2. Quy mô, công suất của Dự án: Công suất khai thác 220.000 m^3/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

2.2. Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án: Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh.

2.3. Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường theo đúng nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (02 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

3.2. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và các sự cố khác trong quá trình vận hành dự án; thực hiện những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Dự án.

3.3. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố môi trường do triển khai Dự án.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án nêu trên với một số nội dung cụ thể sau:

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Tháo dỡ các công trình, di chuyển thiết bị ra khỏi khu vực khai thác, phá dỡ đá quá cỡ tại các sườn tầng khai thác, củng cố bờ moong an toàn, cải tạo hệ thống thoát nước trong mỏ, san lấp hố lắng, cải tạo các tuyến đường trong khu vực mỏ, san gạt mặt bằng, phủ đất trồng cây xanh, sau đó làm các thủ tục bàn giao mặt bằng cho chính quyền địa phương.

2. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.054.266.000 đồng *(Một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*

2.2. Số lần ký quỹ: 30 lần.

2.3. Số tiền ký quỹ lần đầu là: Số tiền ký quỹ lần đầu là: 158.140.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước khi đưa mỏ đi vào khai thác 30 (ba mươi) ngày.

2.4. Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 02 đến năm thứ 30) là: 30.900.000 đồng *(Ba mươi triệu, chín trăm nghìn đồng)*. Thời điểm ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

2.5. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chủ Dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

5. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Quyết định này.

6. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần Lâm sản Thịnh Lộc SHINEC và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 12
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (04b);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Vượng, h. Hữu Lũng;
- CPVP, KTN;
- Chủ Dự án (02b);
- Lưu: VT,VQK.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lý Vinh Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 46 /GP-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 8 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 19/CV-TAB ngày 17 tháng 7 năm 2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung theo thông báo trả hồ sơ đề nghị Cấp Giấy phép môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (theo Công văn số 1270/STNMT-BVMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường) của Công ty TNHH Thịnh An Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-STNMT ngày 05 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thịnh An Bình *(Địa chỉ: thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)* thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

a) Tên dự án: Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Địa điểm hoạt động: thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1350562082 chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

d) Mã số thuế: 4900223951.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự kiến sử dụng của dự án khoảng 12,8 ha. Trong đó: diện tích khu khai trường mỏ 10 ha, diện tích mặt bằng sân công nghiệp và các công trình phụ trợ khác là 2,8 ha.

- Công suất 286.000 m^3 sản phẩm/năm, tương ứng với 220.000 m^3 đá nguyên khai.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 01 kèm theo Giấy phép này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thịnh An Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp đảm bảo tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành.

Chậm nhất sáu (06) tháng trước khi Giấy phép này hết hạn, Công ty TNHH Thịnh An Bình còn tiếp tục thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Tổng cục Môi trường - BTNMT;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&ĐT, TN&MT (03 bản);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng;
- Công ty TNHH Thịnh An Bình;
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng THNC, Trung tâm PVHCC, Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT (NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46/GP-UBND ngày 12 /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình rửa tay, ăn uống, vệ sinh tại khu vực nhà điều hành, nhà ăn, nhà ở công nhân của Công ty.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải đối với nước thải sinh hoạt

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Ba Nàng thuộc thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí xả thải: suối Ba Nàng tại thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của Dự án *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 15'$, múi chiếu 3^0)*: X = 2385.525; Y = 408.471

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4 m^3/ngày đêm tương đương 0,17m^3/ giờ.

a) Phương thức xả nước thải: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua hệ thống bể tự hoại sẽ tự chảy theo đường ống HDPE Φ90 dẫn ra suối Ba Nàng, cách điểm xả thải 1.000 m không có điểm khai thác nước mặt làm nước sinh hoạt.

b) Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 14: 2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện tại bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B))	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	*5 - 9*	03 tháng/01 lần	
2	TDS	*mg/l*	*1000*		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B))	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	TSS	*mg/l*	*100*		Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
4	BOD_5	*mg/l*	*50*		
5	S^{2-}_H_2S	*mg/l*	*4*		
6	PO_4^{3-}_P	*mg/l*	*10*		
7	NH_4^+_N	*mg/l*	*10*		
8	Chất hoạt động bề mặt	*mg/l*	*10*		
9	Tổng Coliform	*MPN/ 100 ml*	*5000*		
10	Tổng dầu mỡ	*mg/l*	-		

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Thu gom, thoát nước mưa

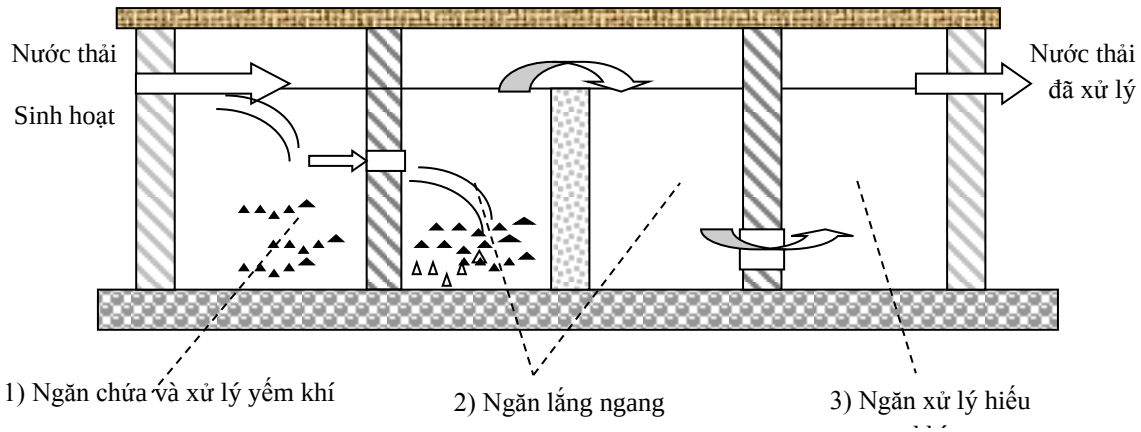
- Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn của dự án được chảy theo sườn dốc của khu khai trường mỏ. Nước mưa chảy tràn trên mặt các vị trí trũng thấp tự nhiên rồi chảy ra ngoài phạm vi khu mỏ. Phương pháp thoát nước được chọn cho khai trường là tự chảy trên các mặt tầng.

- Toàn bộ lượng nước phát sinh nước mưa chảy tràn qua bề mặt sân công nghiệp của dự án cuốn theo các chất ô nhiễm trong không khí cũng như đất, cát, dầu mỡ… sẽ được thu gom tại bể thu gom dẫn ra hố lắng rồi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Ba Nàng.

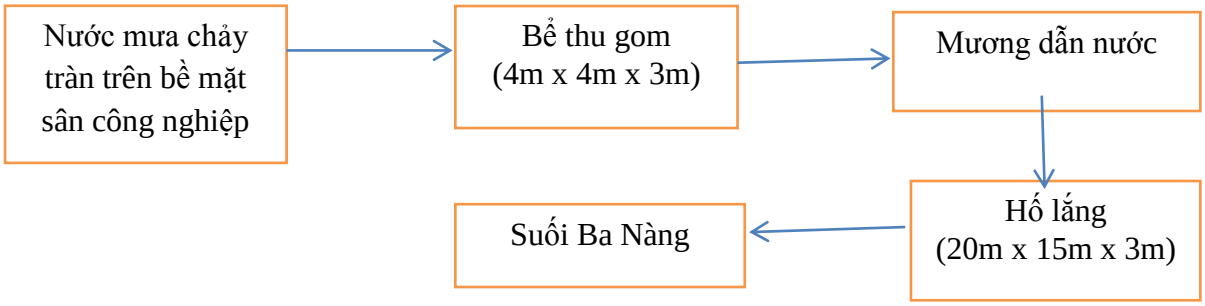
b)Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động của mỏ phát sinh từ khu vực vệ sinh, rửa tay của công nhân tại các khu nhà điều hành, nhà ăn nhân viên, nhà bảo vệ, nhà ở công nhân với tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 4 m^3/ngày đêm. Toàn bộ nước thải sinh hoạt này được dẫn theo hệ thống ống thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải sau khi qua xử lý tại bể tự hoại sẽ được xả ra điểm tiếp nhận là suối Ba Nàng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước



Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn

Đối với nước thải từ quá trình phun sương dập bụi, tưới nước dập bụi: Do dự án sử dụng hệ thống dập bụi dạng phun sương, nước chỉ đủ làm ẩm các hạt bụi, làm tăng trọng lượng của các hạt bụi để các hạt bụi rơi tại chỗ và hạn chế bụi phát tán ra xa trong quá trình chế biến khai thác, với lượng nước nhỏ bám trên bề mặt các hạt bụi trong điều kiện thời tiết khô nóng, nước sẽ bốc hơi ngay vào không khí, nước không tạo thành dòng chảy do đó không phát sinh nước thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm do đã tiến hành vận hành thử nghiệm (kết quả vận hành thử nghiệm đã được báo cáo, đánh giá theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và được thể hiện trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của Dự án để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với việc xả nước thải ra môi trường theo các quy định hiện hành./.

Phụ lục 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền nghiền sàng đá.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 15'$, múi chiếu 3^0: X= 2385.665; Y= 408.402.

- Giới hạn tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1 . Giá trị giới hạn tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	65	55	06 tháng/01 lần	Khu vực thông thường

2. Đối với độ rung

- Nguồn phát sinh: độ rung phát sinh từ dây chuyền nghiền sàng đá.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 15'$, múi chiếu 3^0 là: X= 2385.665; Y= 408.402.

- Giới hạn độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 2 . Giá trị giới hạn độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	55	45	06 tháng/01 lần	Khu vực thông thường

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia trực tiếp sản xuất như nút tai chống ồn.

- Sử dụng giá đỡ máy móc theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy chế vận hành các máy móc, thiết bị.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án hạn chế tiếng ồn và giảm thiểu lượng bụi phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phụ lục này.

- Thường xuyên vận hành, kiểm tra, giám sát các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo biện pháp đã đề xuất./.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên được thể hiện trong bảng sau:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
Dầu tổng hợp thủy lực thải	17 01 06	50
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	40
Vỏ phuy kim thải	18 01 02	68
Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	12
Hộp mực in thải	08 02 04	1
Ắc quy thải	19 06 01	15
Tổng cộng	**187**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Đất đá thải trong khai trường: với chế độ hoạt động của mỏ là 300 ngày trong năm và 01 ca 8h/ngày, thì mức phát thải đất đá tại khai trường trung bình như sau:

STT	Mức phát thải trung bình	Đơn vị	Khối lượng (đã làm tròn)
1	Trong năm	m^3/năm	4.000
2	Trong ngày	m^3/ngày	13,33
3	Trong giờ	m^3/giờ	1,67

- Bùn thải trong quá trình khai thác: lượng bùn thải chính là lượng chất bẩn tích tụ trong nước mưa chảy tràn có tải lượng thải khoảng 29.856,543kg.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án. Thành phần chủ yếu bao gồm: Rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,…), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, kim kẹp,…). Tổng lượng phát sinh lớn nhất là 29 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

Công ty TNHH Thịnh An Bình đã xây dựng nhà kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 8 m^2 nằm ở phía Tây của mỏ. Kho chứa được xây dựng kiên cố

có kết cấu tường xây gạch, mặt sàn kho được láng xi măng đảm bảo kín khít, xây dựng gờ chống tràn bảo đảm không bị thẩm thấu, không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn, đồng thời tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Cửa kho có khóa theo quy định, kho có mái che, bên trong kho có chia các ngăn để phân loại các chất thải và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ. Biển dấu hiệu cảnh báo được dán lên tường khu vực lưu giữ CTNH và dán lên phuy chứa và các thông tin cần thiết theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

Xây dựng bãi chứa tạm để chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (đất, đá) thải đặt tại phía Tây Bắc của khai trường mỏ với diện tích khoảng 0,1 ha với chiều cao trung bình của lớp thải là 10-15m. Góc sườn bãi thải ($<35^0$). Tải lượng của bãi ~23.000m^3.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR sinh hoạt

Công ty TNHH Thịnh An Bình trang bị 4 thùng chứa rác dung tích 100 lít đặt tại các khu vực văn phòng, khu nhà ăn, khu sản xuất của dự án để thu gom các loại rác thải. Vào cuối ngày sẽ định kỳ đem chôn lấp hoặc thiêu hủy.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Không cho các loại thiết bị có tải trọng lớn như xe xúc, xe đào, xe ủi,… làm việc sát mép bờ moong mà khoảng cách tối thiểu tính từ vị trí máy hoạt động đến mép bờ moong khai thác là > 5m.

2. Khi phát hiện bề mặt bờ moong khai thác có dấu hiệu nứt nẻ nhiều (có thể do xói mòn) nguy cơ dẫn đến sạt lở bờ thì bộ phận khai thác sẽ điều động người công nhân và máy móc, thiết bị đang hoạt động dưới khai trường đến nơi an toàn. Sau đó, tổ chức đánh sập các vị trí có nguy cơ sạt lở này.

3. Trường hợp đã xảy ra sự cố sạt lở thì Công ty TNHH Thịnh An Bình sẽ dọn dẹp gọn gàng khu vực sạt lở, cạy hết các khối đất, đá nứt nẻ còn sót lại trên bề mặt moong, cũng như các khối đá treo trên vách bờ moong để tránh nguy cơ rơi xuống khai trường gây nguy hiểm cho người và thiết bị.

- Công ty TNHH Thịnh An Bình sẽ quan tâm đến các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ, nhằm loại bỏ các nguy cơ gây sự cố nguy hiểm bất ngờ./.

Phụ lục 04

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường, kinh phí, thời gian thực hiện

1.1. Tháo dỡ, di dời máy móc và công trình, nhà xưởng

- Tháo dỡ những công trình, nhà xưởng hiện có trên mặt bằng sân công nghiệp không còn nhu cầu sử dụng nữa khi đóng cửa mỏ.

- Di dời các trang thiết bị và máy móc ra ngoài khu vực mỏ.

- Khối lượng thực hiện của hạng mục này là không lớn, bao gồm tháo dỡ các kho tập kết đá thành phẩm, tường rào chắn. Thu dọn đường dây điện, nghiên cứu hạ bỏ các cột điện khi không cần thiết.

- Khu nhà điều hành hoàn toàn có thể tận dụng lại để địa phương làm nhà bảo vệ, trông coi khu đất cải tạo và nhà vệ sinh cũ, giếng nước khoan cũng có thể giữ lại làm công trình công cộng, vệ sinh môi trường. Do vậy trong giai đoạn tháo dỡ công trình, Công ty có thể thỏa thuận với địa phương không dỡ bỏ các công trình này mà tận dụng sử dụng lại. Chi phí tháo dỡ Công ty sẽ không lấy lại mà dùng để bổ sung cho chi phí cải tạo và làm mới các công trình này. Trong trường hợp địa phương không muốn giữ lại, các công trình này cũng sẽ được tháo dỡ cùng với các hạng mục khác.

1.2. Củng cố tuyến giao thông nội mỏ

Khi mỏ không hoạt động, tuyến đường nội mỏ có thể trở thành tuyến đường dân sinh. Do vậy, Công ty TNHH Thịnh An Bình trước khi trả lại mặt bằng cũng sẽ tiến hành củng cố tuyến giao thông này bằng cách: Lu, nèn củng cố nền đường. Gia cố tuyến mương thoát nước dọc theo tuyến đường. Đảm bảo duy trì hàng cây xanh dọc theo 2 bên hành lang tuyến đường trước khi trao trả mặt bằng lại.

1.3. Củng cố, tạo góc nghiêng an toàn cho mái dốc tại khu khai trường

- Để đảm bảo an toàn các mái dốc không gây sạt lở sau khi kết thúc khai thác cần tiến hành củng cố lại vách dốc để đảm bảo góc dốc bờ vách trên tầng phủ bở rời không quá 45^0, trong tầng đá cứng có độ dốc không quá 75^0. Tại những khu vực có vách bờ xung yếu có các rãnh, mương dẫn thoát nước chân núi bị xói cần gia cố lại bằng đá hộc. Ngoài ra chân vách dốc đều sẽ trồng cây xanh nhằm chắn sạt lở khi có mưa lớn.

- Thực tế trong quá trình khai thác mỏ, Công ty TNHH Thịnh An Bình đã tiến hành khai thác theo đúng quy phạm khai thác mỏ lộ thiên nên vách moong trong tầng đá khi kết thúc đã đạt góc dốc an toàn nên công tác gia cố khối lượng không nhiều.

1.4. Cải tạo mặt bằng khu vực khai trường

Sau khi kết thúc khai thác bề mặt khu vực khai trường sẽ là một vùng đất lồi lên ở giữa không thuận lợi cho thoát nước mùa mưa. Để tạo nên cảnh quan vườn cây và mỹ quan khu vực thì cải tạo mặt bằng khu mỏ cần thực hiện các công việc sau: San gạt mặt bằng khu mỏ thành một mặt phẳng nghiêng thoải để tạo thuận lợi cho thoát nước mùa mưa (diện tích cần san gạt 12,8 ha). Đưa đất mặt tới những địa điểm phục hồi môi trường.

1.5. Trồng cây xanh tạo cảnh quan và môi trường

Toàn bộ diện tích sân công nghiệp, vành đai cây xanh quanh mỏ phần nào còn trống sẽ được trồng cây. Loại cây trồng là cây bản địa như bạch đàn, keo,... hoặc cỏ voi, vừa phủ xanh mà có giá trị kinh tế. Mật độ phủ xanh là 2.500 cây/ ha. Khối lượng phủ xanh khoảng 08 ha. Trong thời kỳ 2 - 5 năm đầu, Chủ đầu tư sẽ bố trí người bón lót chăm sóc các cây trồng trong khu mỏ.

1.6. Kinh phí

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.054.266.000 đồng *(Một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn).*

- Số lần ký quỹ: 30 lần.

- Số tiền ký quỹ lần đầu là: 158.140.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).* Công ty TNHH Thịnh An Bình đã ký Quỹ theo quy định.

- Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 02 đến năm thứ 30) là: 30.900.000 đồng *(Ba mươi triệu, chín trăm nghìn đồng).* Công ty TNHH Thịnh An Bình đã ký Quỹ lần thứ 7.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

1.7. Thời gian thực hiện: Trong giai đoạn đóng cửa mỏ

II. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện quan trắc chất lượng không khí: vị trí quan trắc (KK1 Vị trí tại khu nhà điều hành; KK2 vị trí tại khu chế biến); tần suất quan trắc 6 tháng/lần.

Thông số: tiếng ồn, độ rung, bụi TSP, CO, SO_2, NO_2. Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong Báo cáo cấp Giấy phép của dự án được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

4. Thực hiện đúng Chương trình giám sát môi trường theo nội dung Giấy phép này và các nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép của dự án đã được phê duyệt, báo cáo kết quả theo quy định./.

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ ĐĂNG KÝ

CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 20.000.144.T.

(Cấp lần đầu)

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Lạng Sơn, năm 2016

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 8 năm 2016

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 20.000.144T.

(cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: **Công ty TNHH Thịnh An Bình**

Địa chỉ văn phòng: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, h Hữu Lũng, Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.826836

Giấy đăng ký kinh doanh số: 4900223951 cấp lần đầu ngày 14/7/2003, thay đổi lần 6 ngày 14/01/2014 nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Lạng Sơn.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH, danh sách CTNH tại Phụ lục 1 kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục 2).

3. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại với tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp.

4. Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) theo mẫu quy định tại (Phụ lục 3) và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/01 của năm tiếp theo.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Phần I;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: CCBVMT.

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Đình Duyệt

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH 20.000.144T. do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 18/ 8 /2016)

I. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **Mỏ đá vôi Chằm Đèo Phiếu-Công ty TNHH Thịnh An Bình**

Địa chỉ: Thôn Gốc Sau, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.826836

Loại hình hoạt động: Khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

II. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính) *kg/năm.*

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Dầu tổng hợp thủy lực thải	Rắn	115	17 01 16
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	235	17 02 03
4	Vỏ phi đựng dầu, mỡ bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	150	18 01 02
5	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	35	18 02 01
6	Hợp mực in thải	Rắn	0,8	08 02 04
7	Pin/ắc quy thải	Rắn	120	19 06 01
8	**Tổng số lượng**		**660,8**	

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH 20.000.144T. do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 18 / 8 /2016)

Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH

1. Chủ nguồn thải CTNH thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định từ Khoản 2 đến Khoản 9 Điều này.

2. Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Yêu cầu khi chuyển giao CTNH:

a) Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp;

b) Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng (sau đây gọi tắt là Công ước Basel) theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

4. Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp sau:

a) Tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở;

b) Trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 23 Thông tư này.

5. Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Được quét bằng CamScanner

6. Lập và nộp các báo cáo:

a) Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) ban hành kèm theo Thông tư này và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 Thông tư này, chủ nguồn thải CTNH chỉ báo cáo một lần trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động;

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

8. Áp dụng đồng thời việc kê khai chứng từ CTNH và báo cáo quản lý CTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

9. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư này và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 2A

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH 20.000.144T. do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 18/ 8/2016)

A. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH

1. Bao bì CTNH

1.1. Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

1.2. Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.

1.3. Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 cm.

2. Thiết bị lưu chứa CTNH

2.1. Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

2.1.1. Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

2.1.2. Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.1.3. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 (mười) cm.

2.3. Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong

Được quét bằng CamScanner

2.4. Thiết bị lưu chứa CTNH có dung tích từ 02 (hai) m^3 trở lên và đáp ứng các quy định tại Mục này được đặt ngoài trời nhưng phải đảm bảo kín khít, không bị nước mưa lọt vào.

2.5. Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

3. Khu vực lưu giữ CTNH

3.1. Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

3.1.1. Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

3.1.2. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m^3 thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

3.1.3. Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

3.1.4. Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

3.2. Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với lò hơi và các thiết bị đốt khác.

3.3. Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau.

3.4. Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

3.4.1. Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

Được quét bằng CamScanner

3.4.2. Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng

3.4.3. Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

3.4.4. Đối với các cơ sở y tế thì khu vực lưu chứa phải đáp ứng các quy định về quản lý chất thải y tế.

4. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH

4.1. Việc tự sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH phù hợp với nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đầu tư (trừ trường hợp các cơ sở không thuộc đối tượng áp dụng của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư).

4.2. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH chỉ được thực hiện bằng công nghệ, thiết bị sản xuất sẵn có hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH; phải bảo đảm đạt QCKTMT hiện hành và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tương tự quy định tại Mục 5, Mục 6 Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư này; không được đầu tư mới lò đốt, bãi chôn lấp CTNH để tự xử lý CTNH kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4.3. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bằng các công nghệ, thiết bị sản xuất hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH phải phù hợp với báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương). Trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) thì phải trình phương án và được sự chấp thuận của các cơ quan sau:

4.3.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Được quét bằng CamScanner

4.3.2. Các cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với các trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 4.3.1, Mục 4, Phụ lục 2 (A).

4.4. Việc kiểm tra, xác nhận công trình BVMT theo báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với cơ sở tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH được thực hiện như sau:

4.4.1. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc được ủy quyền) thì được tích hợp với thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

4.4.2. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ khác thì phải được kiểm tra, xác nhận các công trình BVMT trước khi cấp Sổ đăng ký CNTCTNH.

4.5. Phải đăng ký trong Sổ đăng ký CNTCTNH trước khi thực hiện việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH, bao gồm cả các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

5. Các quy định khác

5.1. Các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tự xử lý (kể cả tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng) CTNH đáp ứng được các quy định tại Phụ lục 2 (A) này được phép sử dụng để quản lý các chất thải thông thường nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải thông thường.

5.2. Ngoài các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2 (A) này, các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH trong cơ sở y tế phải tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải y tế. Cơ sở y tế thực hiện xử lý CTNH theo mô hình cụm áp dụng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tương tự như chủ nguồn thải tự xử lý CTNH và tuân thủ các quy định về quản lý chất thải y tế, nội dung của kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

5.3. Trường hợp có QCKTMT riêng đối với từng phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và tự xử lý CTNH thì áp dụng theo QCKTMT đó.

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH 20.000.144T. do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 18/ 8/2016)

Mẫu báo cáo
QLCTNH định kỳ của chủ nguồn thải CTNH

(TÊN CHỦ NGUỒN THẢI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm .....*

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM 201...

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...

1. Phần khai chung:

1.1. Tên chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Mã số QLCTNH (nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên cơ sở (nếu có):

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại:

Fax: E-mail:

2. Tình hình chung về phát sinh, quản lý CTNH và chất thải thông thường tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua.

3. Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm).

4. Các vấn đề khác.

5. Các phụ lục đính kèm.

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Được quét bằng CamScanner

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH 20.000.144T. do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 18/ 8/2016)

Phụ lục 3.1: Thống kê chất thải phát sinh (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

a. Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (i)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
				(tên và mã số QLCTNH)	
Tổng					

a[1]) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
Tổng				

a[2]) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng			

b) Thống kê chất thải rắn thông thường:

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý hoặc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý	Đơn vị xử lý
Tổng			

Phụ lục 3.2: Tất cả các liên Chứng từ CTNH và bản sao Hợp đồng chuyển giao CTNH với (các) chủ xử lý CTNH đã sử dụng trong kỳ báo cáo vừa qua (để gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi)
(Lưu ý sắp xếp thành từng bộ, bao gồm bản sao hợp đồng kèm theo các liên Chứng từ tương ứng sắp xếp lần lượt theo số chứng từ).

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Thịnh An Bình để sử dụng vào mục đích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Thực hiện Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tại xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng.

Hôm nay, hồi 08 giờ 30 phút ngày 12/6/2025, tại thực địa khu đất *(tại thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)*, thành phần gồm:

I. ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN BÀN GIAO ĐẤT.

1. Sở Nông Nghiệp và Môi trường

- Ông Vi Nông Trường, Phó Giám đốc Sở
- Ông Nông Quốc Hưng, Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai;
- Bà Hà Thị Hải Tuân, VCBP phòng Quản lý đất đai;
- Ông .....Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng.

2. Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Hữu Lũng

Ông Hoàng Trang Viên, Chuyên viên phòng Nông nghiệp Môi trường.

II. ĐẠI DIỆN UBND XÃ YÊN VƯỢNG

Ông Lý Trường Giang, Chủ tich UBND xã

III. BÊN NHẬN BÀN GIAO ĐẤT:

Đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thịnh An Bình

Ông Nguyễn Đăng Minh, Giám đốc

III. CÁC BÊN TIẾN HÀNH BÀN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA, CỤ THỂ NHƯ SAU:

1. Giao nhận trên thực địa đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ địa chính số 79 xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng.

Tổng diện tích 5.967,1m^2 theo Quyết định số 1252QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất cho thuê được xác định theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 05/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng lập ngày 23/4/2025.

3. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới khu đất được cho thuê; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

Được quét bằng CamScanner

4. Biên bản được lập hồi 09 giờ 10 phút cùng ngày, đã đọc cho các bên tham dự cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây.

Biên bản này lập thành 04 bản có giá trị như nhau, gửi các thành phần tham dự cùng lưu/.

ĐẠI DIỆN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Vi Nông Trường

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Hà Thị Hải Tuân

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH

Nguyễn Đăng Minh

ĐẠI DIỆN
PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN HỮU LŨNG

Hoàng Trang Viên

ĐẠI DIỆN
UBND XÃ YÊN VƯỢNG,
HUYỆN HỮU LŨNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lý Trường Giang

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:
Ông: Nguyễn Đăng Minh, CCCD: 001058025139
2. Thông tin thửa đất:
a. Thửa đất số: 22 tờ bản đồ số: 182, b. Diện tích: 6300,0 m²
c. Loại đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) d. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15/10/2026,
đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
e. Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn,
3. Thông tin tài sản gắn liền với đất: -/-

Hữu Lũng, ngày 14 tháng 01 năm 2026
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
KHU VỰC HỮU LŨNG
GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LẠNG SƠN
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI KHU VỰC HỮU LŨNG

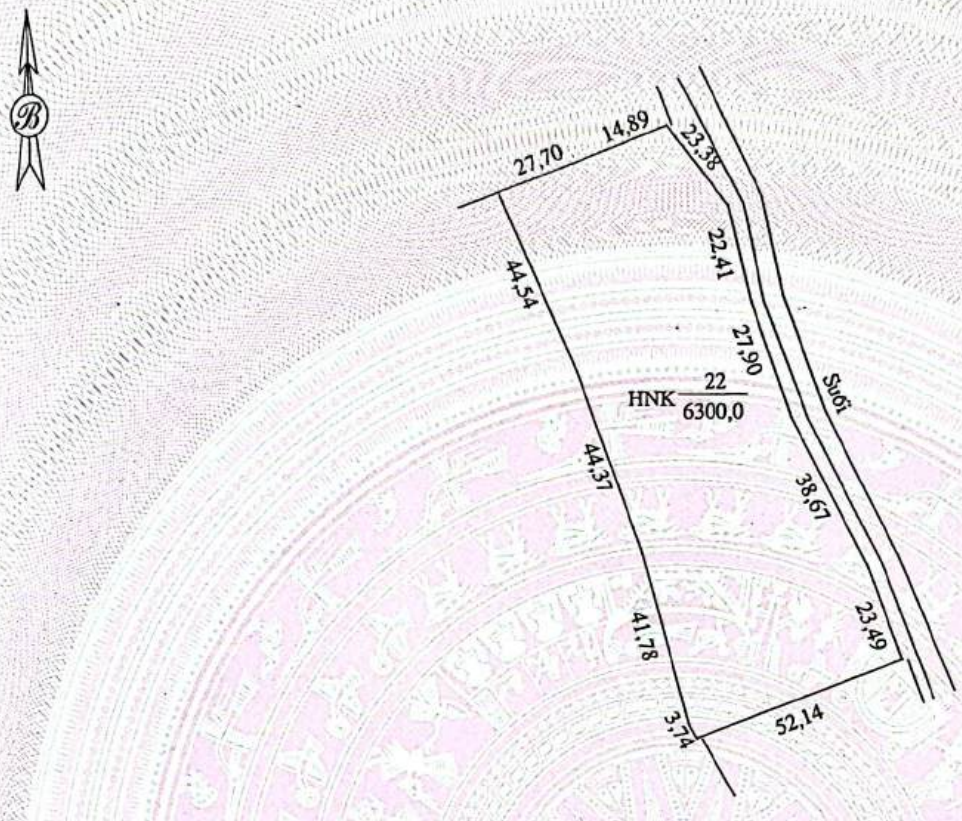
Lý Thị Thuý Hải

AA 06798450

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

Được quét bằng CamScanner

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



5. Ghi chú:

6. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CN - 34123

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

Công ty TNHH Thịnh An Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Mã số doanh nghiệp: 4900223951, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 09/11/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

2. Thông tin thửa đất:

a. Thửa đất số: 30 tờ bản đồ số: 178, b. Diện tích: 5.967,1 m²

(tờ số 79, xã Yên Vượng trước khi sáp nhập)

c. Loại đất: Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) d. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 05/10/2040,

đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e. Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn.,

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất: -/-

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 8 năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

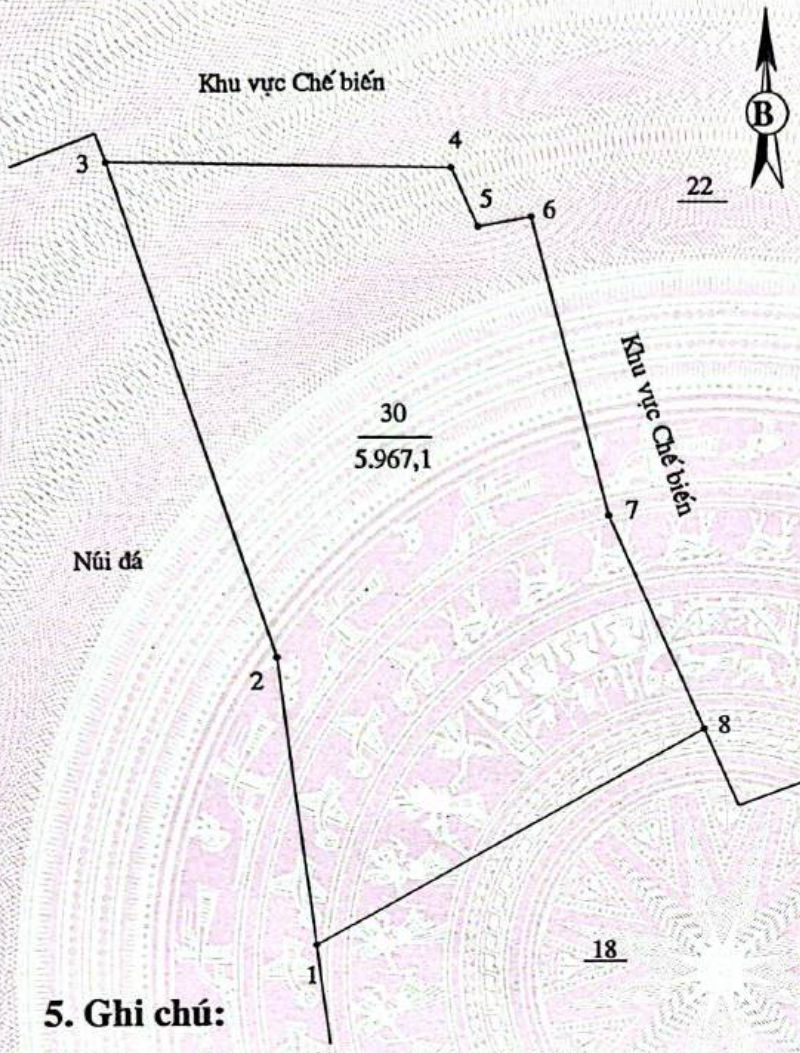
Nguyễn Hữu Chiến

AA 03260973

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

Được quét bằng CamScanner

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	43,90
2	78,35
3	51,90
4	9,73
5	8,12
6	45,75
7	34,95
8	67,41
1	

5. Ghi chú:

6. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 215

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Được quét bằng CamScanner

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

2 0 0 6 4 1 2 2 4 0 0 3 0 0 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thịnh An Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 4900223951. Đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 09/11/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

DG 779199

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 79,

b) Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,

c) Diện tích: 19.137,5 m², (bằng chữ: Mười chín nghìn một trăm ba mươi bảy phẩy năm mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/10/2040,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm,

2. Nhà ở: -/-

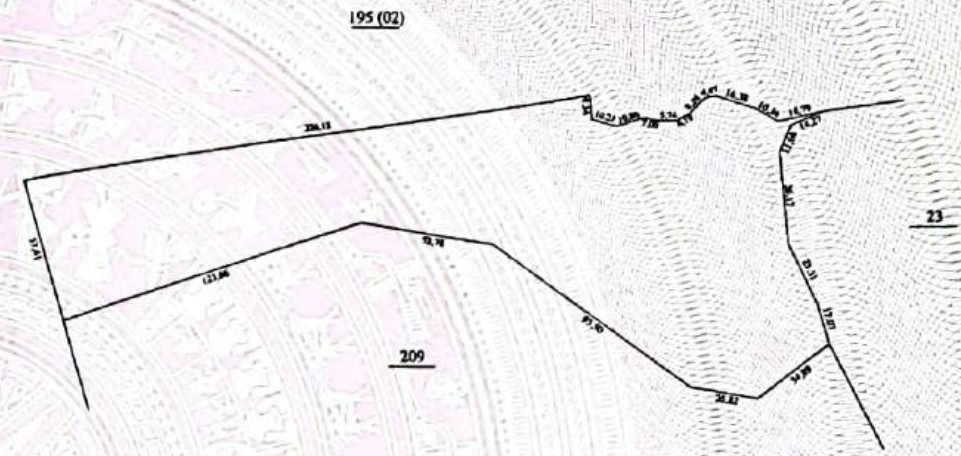
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lạng Sơn, ngày 11 tháng 6 năm 2024

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Ngọc Thiều

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT - . 05968 . .

Được quét bằng CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

200641217000120

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thịnh An Bình

- GCNĐKDN. Mã số DN: 4900223951. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/10/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

CG 842346

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 79,

b) Địa chỉ: Khu Chầm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,

c) Diện tích: 20.201,7m^2 (bằng chữ: Hai mươi nghìn hai trăm linh một phẩy bảy mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/10/2040,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

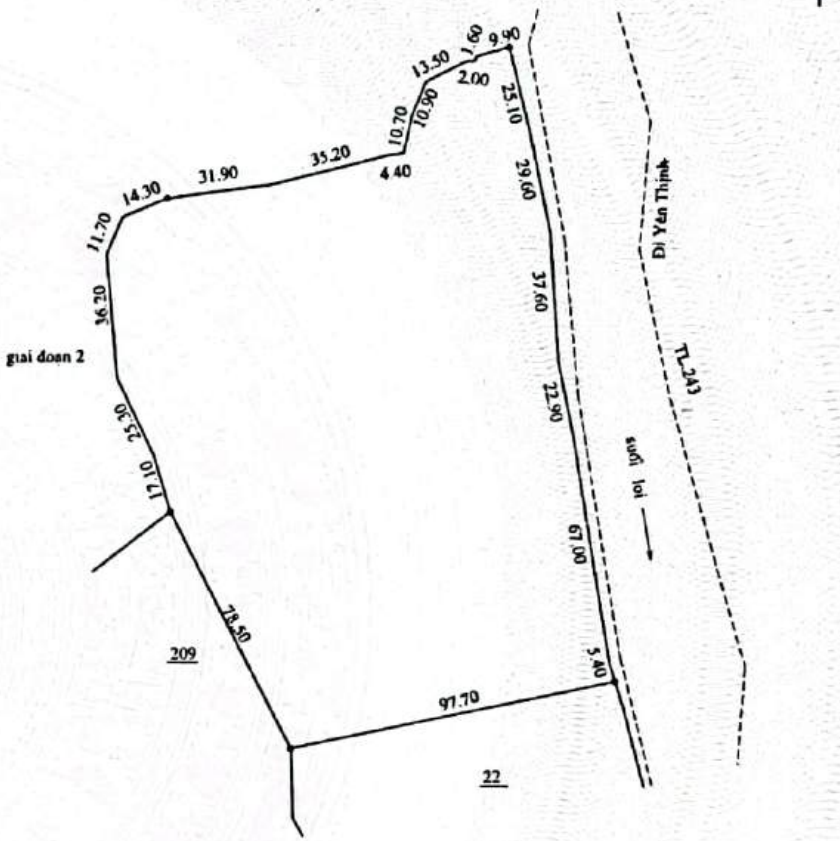
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Hữu Chiến

Số vào sổ cấp GCN: CT-03892

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Được quét bằng CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

200641217000121

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thịnh An Bình

- GCNĐKDN. Mã số DN: 4900223951. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/10/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

CG 842347

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 24, tờ bản đồ số: 79,

b) Địa chỉ: Khu Chầm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,

c) Diện tích: 2.469,7m^2 (bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm sáu mươi chín phẩy bảy mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/10/2040,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

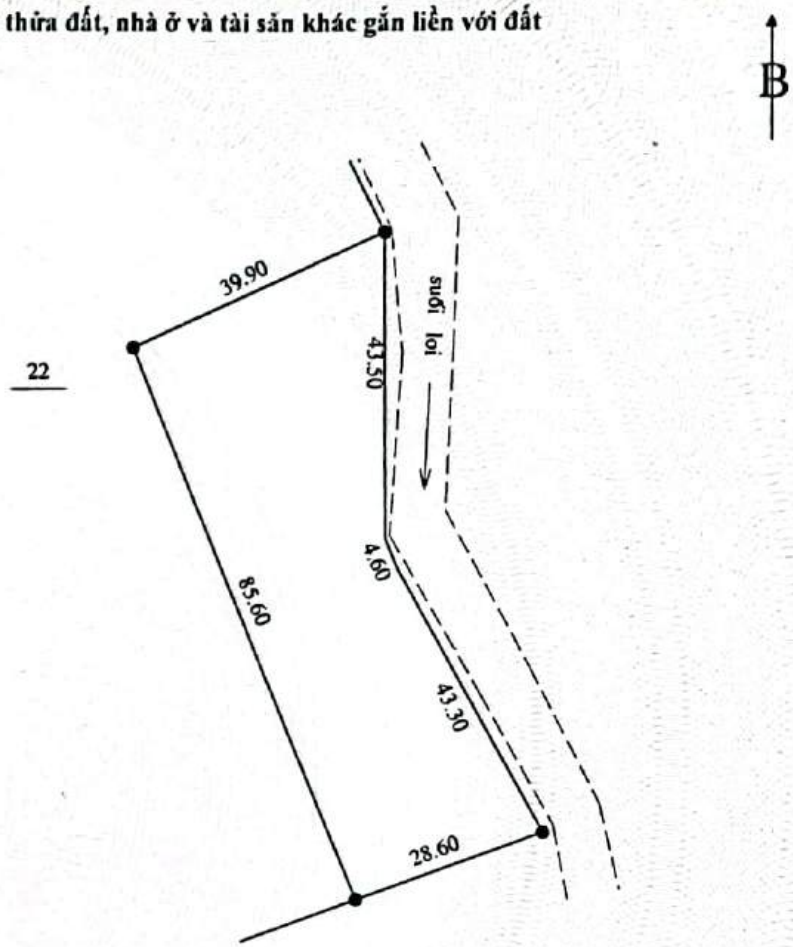
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Hữu Chiến

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT-..03893.....

Được quét bằng CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

200641217000119

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thịnh An Bình

- GCNDKDN. Mã số DN: 4900223951, Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/10/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

CG 842350

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 22, tờ bản đồ số: 79,

b) Địa chỉ: Khu Chằm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,

c) Diện tích: 15.821,2m^2 (bằng chữ: Mười lăm nghìn tám trăm hai mươi mốt phẩy hai mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/10/2040,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

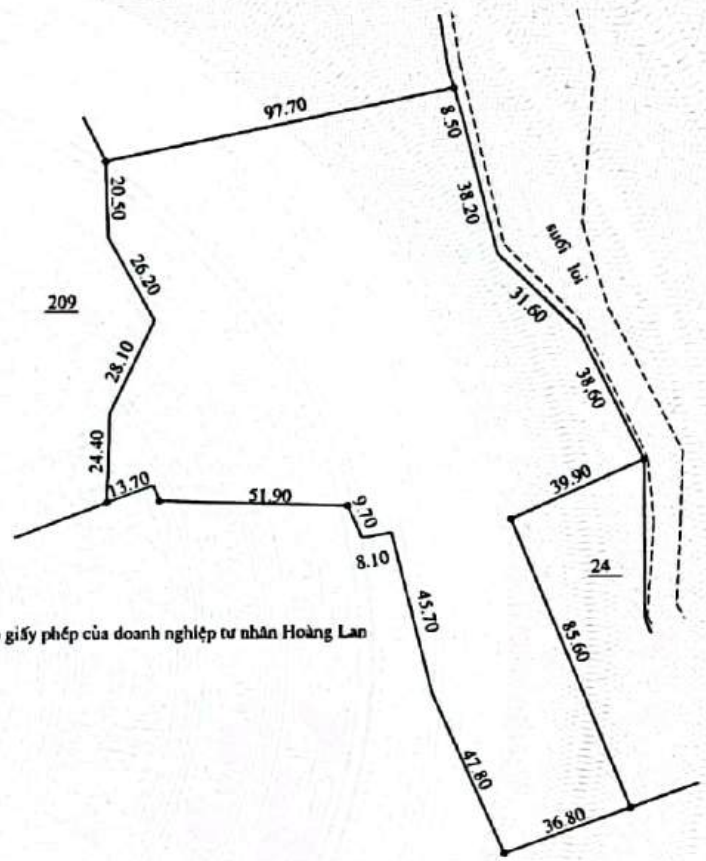
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Hữu Chiến

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT- 05831

Được quét bằng CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy

200641217000118

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thịnh An Bình

- GCNĐKDN. Mã số DN: 4900223951. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/10/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

CG 842351

Được quét bằng CamScanner

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 209, tờ bản đồ số: 02,

b) Địa chỉ: Khu Chầm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn,

c) Diện tích: 69.691,5m^2 (bằng chữ: Sáu mươi chín nghìn sáu trăm chín mốt phẩy năm mét vuông).

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/10/2040,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

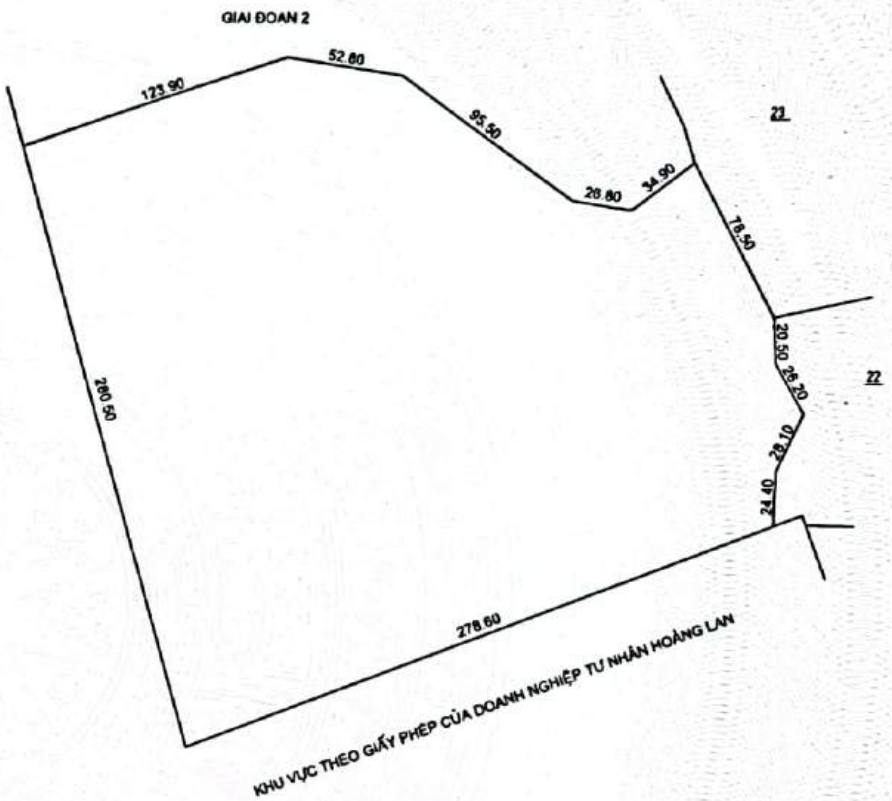
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Hữu Chiến

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT-.03890.....

Được quét bằng CamScanner

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 25 /HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 5 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi,bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất (bổ sung) để khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1350562082, chứng nhận lần đầu ngày 21/5/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 19/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thực hiện dự án.

Trên cơ sở Thông báo số 999/TB-CT ngày 26/4/2024 của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn thông báo về việc thông báo đơn giá trả tiền thuê đất hàng năm.

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

- Địa chỉ trụ sở: Số 05, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.
- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông **Nguyễn Ngọc Thiều** - Giám đốc
- Điện thoại: 02053 870 327 - Fax: 0253 870 327.

II. Bên thuê đất: CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện theo pháp luật:

Ông **Nguyễn Đăng Minh** - Giám đốc.

- Điện thoại: 0913 298088 - Fax:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Tổng diện tích đất cho thuê ***19.137,5m²*** (*Mười chín nghìn, một trăm ba mươi bảy phẩy năm mét vuông*);

2. Địa điểm: Tại khu Chằm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Vị trí, ranh giới cho thuê được xác định theo Mảnh trích đo địa chính khu đất số 02-2024 (xã Yên Vượng) tỷ lệ 1/1000, do Công ty cổ phần Tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 28/02/2024, được UBND xã Yên Vượng xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 27/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 28/3/2024.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Thực hiện dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

5. Thời hạn cho thuê đất: Đến ngày 05/10/2040 (*thời gian còn lại theo Giấy phép khai thác Khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Toàn bộ diện ***19.137,5m²,*** thuộc xã Nhóm II, Nhóm vị trí 1;

Đơn giá 840 đồng /m^2 / năm.

Tiền thuê đất 01 năm phải nộp là ***16.075.500*** đồng/năm.

(Bằng chữ: Mười sáu triệu, không trăm bảy mươi năm nghìn, năm trăm đồng).

Giá thuê đất theo Hợp đồng này được ổn định trong 05 năm *(tính từ ngày 08/4/2024 đến ngày 08/4/2029)*. Hết thời hạn ổn định, bên thuê đất có trách nhiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại Hợp đồng điều chỉnh giá thuê đất theo quy định của Nhà nước.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê hàng năm (01 lần/năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn (hoặc theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế).

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Bên thuê đất	**Bên cho thuê đất**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đăng Minh	**Nguyễn Ngọc Thiều**

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 /10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 45 /HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi,bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất để khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1350562082, chứng nhận lần đầu ngày 21/5/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 19/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thực hiện dự án.

Trên cơ sở Thông báo số 399/TB-CT ngày 07/4/2023 của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn thông báo về việc điều chỉnh đơn giá thuê tiền thuê đất.

Hôm nay, ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

- Địa chỉ trụ sở: Số 05, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện: Ông **Nguyễn Ngọc Thiều** - Giám đốc

- Điện thoại: 02053 870 327 - Fax: 0253 870 327.

II. Bên thuê đất: CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Họ tên và chức vụ người đại diện theo pháp luật:

Ông **Nguyễn Đăng Minh** - Giám đốc.

- Điện thoại: 0913 298088 - Fax:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Tổng diện tích đất cho thuê ***108.184,1m²*** (*Một trăm linh tám triệu đồng, một trăm tám mươi bốn phẩy một mét vuông*), trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác: ***69.691,5m²*** (*thuộc thửa số 209, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, tỷ lệ 1/10000 xã Yên Vượng*);

- Diện tích khu vực văn phòng làm việc: ***22.671,4m²*** (*thuộc thửa số 23, 24, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 79, tỷ lệ 1/1000 xã Yên Vượng*);

- Diện tích mặt bằng chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng: ***15.821,2m²*** (*thuộc thửa số 22, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 79, tỷ lệ 1/1000 xã Yên Vượng*);

2. Địa điểm: Tại khu Chằm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được xác định theo Mảnh trích đo địa chính khu đất số 01-2016, xã Yên Vượng, do Công ty cổ phần Tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 21/11/2016, UBND xã Yên Vượng xác nhận ngày 22/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, ký duyệt ngày 26/11/2016.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Thực hiện dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

5. Thời hạn cho thuê đất: Đến ngày 05/10/2040 (*thời gian còn lại theo Giấy phép khai thác Khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh lạng Sơn).*

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Toàn bộ diện ***108.184,1m²,*** thuộc Nhóm vị trí 1;

- Diện tích khu vực văn phòng làm việc (đất thương mại dịch vụ): 22.671,4m²; đơn giá 800 đồng /m² / năm.

- Diện tích khu vực khai thác và mặt bằng chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng (đất sản xuất vật liệu xây dựng): 85.512,7m²; đơn giá 700 đồng /m² / năm.

Tiền thuê đất 01 năm phải nộp là ***77.996.010*** đồng/năm.

Làm tròn: ***77.996.000 đồng/năm*** *(Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

Giá thuê đất theo Hợp đồng này được ổn định trong 05 năm *(tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/12/2026)*. Hết thời hạn ổn định, bên thuê đất có trách nhiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại Hợp đồng điều chỉnh giá thuê đất theo quy định của Nhà nước.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê hàng năm (01 lần/năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn (hoặc theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế).

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

(Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTĐ ngày 16/5/2017 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH Thịnh An Bình)./.

Bên thuê đất	**Bên cho thuê đất**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký tên và đóng dấu)*
M.S.D.N: 4900223951-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THỊNH AN BÌNH H. HỮU LŨNG - T. LẠNG SƠN	GIÁM ĐỐC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
Nguyễn Đăng Minh	**Nguyễn Ngọc Thiều**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 661 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất (bổ sung) để khai thác đá vôi chế biến vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 153/TTr-STNMT ngày 31/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê diện tích 19.137,5m^2 đất, tại thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để sử dụng vào mục đích khai thác đá vôi chế biến vật liệu xây dựng thông thường.

1. Vị trí, ranh giới cho thuê được xác định theo Mảnh trích đo địa chính khu đất số 02-2024 (xã Yên Vượng) tỷ lệ 1/1000, do Công ty cổ phần Tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 28/02/2024, được UBND xã Yên Vượng xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 27/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 28/3/2028 (*Kèm theo Quyết định này*).

2. Thời gian thuê đất: đến ngày 05/10/2040[1] (*Kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất)*;

3. Khung giá và giá 01m^2 đất cho thuê theo các quy định hiện hành của Nhà nước; đơn giá thuê đất được ổn định trong 5 năm, hết thời gian ổn định 5 năm Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định;

4. Hình thức trả tiền thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện xác định mốc giới và bàn giao đất tại thực địa; chuyển thông tin địa chính để tính tiền thuê đất, ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thịnh An Bình; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới khu đất được cho thuê; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

3. Cục Thuế tỉnh xác định, thông báo số tiền thuê đất Công ty TNHH Thịnh An Bình phải nộp hàng năm vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thịnh An Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Sở TN và MT (02 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh

[1] Thời hạn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1252 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tại xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 310/TTr-SNNMT ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình *(địa chỉ trụ sở chính: thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)* thuê diện tích 5.967,1m^2 đất tại thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

1. Mục đích sử dụng đất: Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS).

2. Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 05/10/2040, kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất *(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thịnh An Bình)*.

3. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất cho thuê được xác định theo Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 05/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hữu Lũng lập ngày 23/4/2025.

4. Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.

5. Phương thức cho thuê đất: Cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại khoản điểm k khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.

6. Giá đất tính tiền thuê đất phải nộp (tính theo Bảng giá đất): 210.000 đồng/m^2.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện xác định mốc giới, bàn giao đất trên thực địa; ký hợp đồng thuê đất, trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thịnh An Bình; chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để thông báo nộp tiền thuê đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

2. Chi cục Thuế khu vực VI xác định số tiền thuê đất phải nộp hằng năm, thông báo cho Công ty TNHH Thịnh An Bình nộp tiền thuê đất theo quy định.

3. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới khu đất được cho thuê; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực VI, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thịnh An Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Sở NN và MT (02 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2593 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Thịnh An Bình thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Hữu Lũng.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 406/TTr-STNMT ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Thịnh An Bình (*Địa chỉ: Thôn Ba Nàng, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)* thuê 108.184,1 m^2 (*Một trăm linh tám nghìn, một trăm tám mươi tư phẩy một mét vuông*) đất tại khu Chằm Đèo Phiếu, thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, để thực hiện dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng. Trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác đá: 69.691,5 m^2 đất *(thuộc thửa đất số 209, tờ Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, tỷ lệ 1/10.000 xã Yên Vượng).*

- Diện tích khu vực văn phòng làm việc: 22.671,4 m^2 đất *(thuộc thửa đất số 23, 24, tờ Bản đồ địa chính số 79, tỷ lệ 1/1000 xã Yên Vượng).*

- Diện tích mặt bằng chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng: 15.821,2 m^2 đất *(thuộc thửa đất số 22, tờ Bản đồ địa chính số 79, tỷ lệ 1/1000 xã Yên Vượng)*

1. Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được xác định theo Mảnh trích đo địa chính khu đất số 01-2016, xã Yên Vượng, do Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 21/11/2016, UBND xã Yên Vượng xác nhận ngày 22/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, ký duyệt ngày 26/11/2016.

2. Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất đến ngày 05/10/2040 (*thời gian còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn*).

3. Hình thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Thịnh An Bình; cung cấp thông tin địa chính xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất; ký hợp đồng thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thịnh An Bình;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Công ty TNHH Thịnh An Bình có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đúng vị trí, ranh giới và mục đích đất được thuê; nộp phí, lệ phí đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Yên Vượng và Giám đốc Công ty TNHH Thịnh An Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở TN và MT (02 bản);
- PVP UBND tỉnh,
các phòng: KTN, TH, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (NVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Vinh Quang

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1739/..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK1: Mẫu không khí tại văn phòng; X=2385565; Y=408483
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK1	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	76	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,2	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	52,6	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	43,2	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	177	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4013	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	79	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	113	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1740 /..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK2: Mẫu không khí khu vực trạm nghiền; X=2385643; Y=408383
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31,4	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	75	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,4	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	53,7	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	42,4	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	186	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	3800	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	78	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	101	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1791/07/10/2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK3: Mẫu không khí khu vực khai trường; X=2385661; Y=408396
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK3	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	72	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,8	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	49,7	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	41,4	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	168	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4063	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	77	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	107	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1792/07/10/2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK4: Mẫu không khí trước cổng; X=2385591; Y=408495
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK4	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	32,5	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	70	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,8	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,2	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	45,7	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	198	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4280	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	88	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	116	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1793/...07.../...10...../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK5: Mẫu không khí khu dân cư gần mỏ; X=2486464; Y=408630
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK5	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	30,8	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	71	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,4	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	55,6	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	46,2	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	186	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	3650	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	82	350
0	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	112	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1799/..07../..10.../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu nước dưới đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	NN: Mẫu nước dưới đất; X=2385596; Y=408488
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
				NN	Giá trị giới hạn
1	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO) (+)	mg/L	TCVN 7325:2016	4	≥ 5,0
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	-
3	pH (+)	-	TCVN 6492:2011	7,4	5,8-8,5
4	Chloride (Cl-)	mg/L	TCVN 6194:1996	3,65	250
5	Nitrat (NO3- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	2,03	15
6	Amoni (NH4+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	1
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	40	-

Ghi chú:
- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- (+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1795/...07.../...10.../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu nước mặt
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	NM: Mẫu nước mặt; X=2385600; Y=408507
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2)
				NM	Mức B
1	pH (+)	-	TCVN 6492:2011	7,9	6,0 -8,5
2	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO) (+)	mg/L	TCVN 7325:2016	6	≥ 5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	9	≤100
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	6,4	≤ 15
5	Amoni (NH4+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	0,3
6	Chloride (Cl-)	mg/L	TCVN 6194:1996	2,19	250
7	Nitrat (NO3- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,28	-

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt

+ Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1796 / 07 / 10 / 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chẩm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	Đ1: Mẫu đất trong xưởng; X=2385588; Y=408478
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT
				Đ1	Loại 1
1	Arsenic (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + TCVN 8467:2010	3,4	25
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,1)	4
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	22,4	200
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	17,7	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	85,6	300

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

+ Loại 1 - Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác. Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1747/.07./.10./ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	Đ2: Mẫu đất ngoài xưởng; X=2385505; Y=408534
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT
				Đ2	Loại 1
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,1)	4
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	31,2	200
3	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	20,3	150
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	89,8	300
5	Arsenic (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + TCVN 8467:2010	3,3	25

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

+ Loại 1 - Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác. Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.